BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN HÓA HÀ NỘI

TRƯƠNG ĐẠI LƯỢNG

PHÁT TRIỂN KIẾN THỨC THÔNG TIN CHO SINH VIÊN ĐẠI HỌC Ở VIỆT NAM

Chuyên ngành: Khoa học Thông tin - Thư viện
Mã số: 62320203

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ THÔNG TIN THƯ VIỆN

HÀ NỘI - 2015

Công trình được hoàn thành tại:

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN HOÁ HÀ NỘI
BỘ VĂN HOÁ, THỂ THAO VÀ DU LỊCH

Người hướng dẫn khoa học: **1. TS. Nguyễn Thu Thảo**
2. PGS.TS. Trần Thị Minh Nguyệt

Phản biện 1: **PGS.TS. Mai Hà**
Phản biện 2: **PGS.TS. Vũ Văn Nhật**
Phản biện 3: **PGS.TS. Đoàn Phan Tân**

Luận án sẽ được bảo vệ tại Hội đồng chấm luận án cấp Trường
Họp tại: Trường Đại học Văn hoá Hà Nội
Số 418, đường La Thành, quận Đống Đa, Hà Nội.
Vào hồi: 8 giờ, ngày 19 tháng 8 năm 2015

Có thể tìm hiểu luận án tại:
- Thư viện Quốc gia Việt Nam.
- Trung tâm Thông tin Thư viện - Trường Đại học Văn hoá Hà Nội.
- Phòng Quản lý đào tạo sau đại học - Trường Đại học Văn hoá Hà Nội.

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Ngày nay, sự gia tăng các nguồn tài nguyên thông tin cùng với những tiến bộ của CNTT tạo điều kiện cho việc trao đổi, lưu trữ, truy cập và phổ biến thông tin thuận lợi hơn bao giờ hết. Tuy nhiên, người dùng tin cũng đồng thời gặp phải không ít thách thức trong việc kiểm soát lượng thông tin đang "bùng nổ". Hơn nữa, những thay đổi đang diễn ra trên thế giới đã làm cho triết lý về giáo dục đại học trong thế kỷ 21 có những biến đổi sâu sắc, đó là lấy "học thường xuyên suốt đời" làm nền móng.

Để đáp ứng các mục tiêu trên, các trường đại học trên thế giới đã chú trọng phát triển kiến thức thông tin (KTTT) cho sinh viên (SV). UNESCO cho rằng: KTTT nằm ở cốt lõi của học tập suốt đời. KTTT trao quyền cho mỗi người trong việc tìm kiếm, đánh giá, sử dụng và sáng tạo thông tin hiệu quả để đạt được mục tiêu cá nhân, xã hội, nghề nghiệp và giáo dục. Các quốc gia thành viên cần đảm bảo rằng SV và các nhà giáo dục là những người có kiến thức thông tin.

Những cơ sở lý luận và thực tiễn cho thấy việc nghiên cứu công tác phát triển KTTT cho SV để tìm ra mô hình phát triển KTTT cho SV phù hợp với bối cảnh giáo dục đại học ở Việt Nam hiện nay là một trong những việc làm cấp bách, nhằm góp phần nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực trong thời kỳ công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước.

2. Tổng quan tình hình nghiên cứu

Các học giả trên thế giới đề cập đến KTTT ở nhiều khía cạnh khác nhau như: khái niệm, các thành tố, vai trò, tiêu chuẩn, mô hình phát triển KTTT, kinh nghiệm phát triển KTTT cho SV và các yếu tố ảnh hưởng đến công tác phát triển KTTT cho SV.

Ở Việt Nam, hoạt động đào tạo người dùng tin đã diễn ra từ lâu ở các thư viện đại học. Tuy nhiên, các nghiên cứu trực tiếp đề cập đến

KTTT mới bắt đầu thu hút được sự quan tâm của một số tác giả trong những năm gần đây. Đã có một số tác giả đi sâu nghiên cứu KTTT ở các bình diện như tác động của văn hóa đại học đối với phát triển KTTT cho SV hoặc nghiên cứu trường hợp về phát triển KTTT cho SV ở các trung tâm học liệu.

3. Mục đích, đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Mục đích nghiên cứu

Đề tài nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn về phát triển KTTT cho SV, từ đó đề xuất mô hình và các giải pháp phát triển KTTT cho SV, nhằm góp phần nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác phát triển KTTT cho SV đại học ở Việt Nam.

Đối tượng nghiên cứu

Công tác phát triển KTTT cho SV đại học ở Việt Nam

Phạm vi nghiên cứu

Đề tài tập trung nghiên cứu thực trạng phát triển KTTT cho SV đại học hệ chính quy ở Việt Nam từ năm 2011 đến nay.

4. Nhiệm vụ nghiên cứu

- Nghiên cứu cơ sở lý luận về phát triển KTTT cho SV.
- Khảo sát thực trạng công tác phát triển KTTT cho SV đại học ở Việt Nam.
- Đánh giá thực trạng KTTT của SV đại học ở Việt Nam.
- Đề xuất mô hình và các giải pháp phát triển KTTT cho SV đại học ở Việt Nam.

5. Phương pháp nghiên cứu

Luận án dựa trên cơ sở phương pháp luận duy vật biện chứng và duy vật lịch sử trong quá trình nghiên cứu đề tài.

Các phương pháp nghiên cứu cụ thể

- Phương pháp phân tích và tổng hợp tài liệu
- Phương pháp so sánh

- Phương pháp mô hình hóa
- Phương pháp điều tra xã hội học

6. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của luận án

Ý nghĩa khoa học

- Luận án góp phần làm sáng tỏ một số vấn đề lý luận về KTTT, phát triển KTTT cho sinh viên đại học ở Việt Nam.

- Luận án đưa ra hệ thống các giải pháp phát triển KTTT cho SV đại học ở VN: Xây dựng chuẩn KTTT cho sinh viên đại học ở Việt Nam, Xây dựng mô hình phát triển KTTT cho sinh viên đại học phù hợp với bối cảnh ở VN, các giải pháp hiện thực hóa mô hình phát triển KTTT cho sinh viên đại học ở Việt Nam.

Ý nghĩa thực tiễn

- Các kết quả nghiên cứu của luận án sẽ giúp cho cơ quan quản lý nhà nước, các cán bộ lãnh đạo quản lý trong ngành thư viện, ngành giáo dục và trong các trường đại học, các thư viện đại học có được cơ sở và cứ liệu để hoạch định chính sách phát triển KTTT, từng bước thực hiện việc phát triển KTTT cho SV đại học.

- Bên cạnh đó, kết quả của luận án cũng là một tài liệu tham khảo cho những người làm công tác nghiên cứu, cán bộ giảng dạy trong các cơ sở đào tạo ngành thông tin thư viện ở Việt Nam.

7. Kết cấu của luận án

Ngoài phần mở đầu, kết luận và tài liệu tham khảo, luận án được kết cấu thành bốn chương.

Chương 1. Cơ sở lý luận về kiến thức thông tin và kiến thức thông tin với sinh viên đại học ở Việt Nam

Chương 2. Thực trạng công tác phát triển kiến thức thông tin cho sinh viên đại học ở Việt Nam.

Chương 3. Thực trạng kiến thức thông tin của sinh viên đại học ở Việt Nam.

Chương 4. Đề xuất mô hình và các giải pháp phát triển kiến thức thông tin cho sinh viên đại học ở Việt Nam.

Chương 1
CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ KIẾN THỨC THÔNG TIN VÀ KIẾN THỨC THÔNG TIN VỚI SINH VIÊN ĐẠI HỌC Ở VIỆT NAM

1.1. Khái niệm về kiến thức thông tin

1.1.1. Định nghĩa kiến thức thông tin

KTTT là tập hợp kiến thức và kỹ năng thông tin bao gồm: nhận dạng nhu cầu tin, tìm kiếm thông tin, đánh giá và khai thác thông tin, tư duy phản biện, kỹ năng giải quyết vấn đề và sự hiểu biết về các vấn đề đạo đức, kinh tế, pháp lý, xã hội có liên quan đến truy cập, sử dụng và trao đổi thông tin. Mục tiêu của phát triển KTTT cho SV là hình thành cho họ khả năng học tập suốt đời.

1.1.2. Các thành tố của kiến thức thông tin

KTTT là tổng hòa của các khối tri thức và kỹ năng mà mỗi cá nhân đạt được. Dựa trên các chuẩn KTTT của Hoa Kỳ, Anh, Úc và New Zealand, nội dung KTTT bao gồm các thành tố như: Khả năng nhận dạng nhu cầu tin, tìm kiếm thông tin, đánh giá và khai thác thông tin, hiểu biết các vấn đề đạo đức, kinh tế và pháp lý liên quan đến truy cập, sử dụng và chia sẻ thông tin.

1.2. Kiến thức thông tin với giáo dục đại học

1.2.1. Đặc điểm giáo dục đại học

Giáo dục đại học, còn gọi là giáo dục nghề nghiệp bậc cao, và thường được coi là hàn lâm (academic). Giáo dục đại học nói chung thường bao gồm giảng dạy và nghiên cứu khoa học.

1.2.2. Khái niệm về phát triển kiến thức thông tin

Phát triển KTTT cho SV là nâng cao trình độ kiến thức và kỹ năng thông tin cho SV từ thấp đến cao thông qua nhiều hình thức phát triển khác nhau. Mục tiêu của phát triển KTTT cho SV là hình thành cho họ khả năng học tập suốt đời.

Phát triển KTTT cho SV bao gồm các nội dung: Phát triển kỹ năng nhận dạng nhu cầu tin, tìm kiếm và đánh giá thông tin, kiến thức về các nguồn thông tin, sử dụng và trao đổi thông tin; phát triển kỹ năng tư duy độc lập, kỹ năng giải quyết vấn đề; nâng cao nhận thức các vấn đề kinh tế, pháp lý, xã hội, đạo đức có liên quan đến sử dụng, truy cập và trao đổi thông tin.

Phát triển KTTT cho SV bằng các phương pháp: tích hợp KTTT vào chương trình giảng dạy thông qua sự phối hợp của giảng viên và CBTV, thư viện tổ chức các lớp chuyên đề về KTTT cho SV hoặc SV có thể tư vấn, tham khảo giảng viên, cán bộ thư viện, bạn bè thông qua các phương tiện truyền thông khác nhau như mạng xã hội, email hoặc trao đổi trực tiếp.

1.2.3. Một số yếu tố ảnh hưởng đến phát triển kiến thức thông tin cho sinh viên đại học

*** Trình độ cán bộ thư viện**

CBTV là người đóng vai trò quan trọng trong việc phối hợp với GV, khoa chuyên ngành, là người khởi xướng, xây dựng chính sách, chương trình KTTT cho SV.

*** Chương trình phát triển KTTT dành cho sinh viên**

Nội dung giáo dục KTTT hiện nay phải chú trọng rèn cho SV kiến thức và kỹ năng liên quan đến KTTT như: kỹ năng nhận dạng nhu cầu tin; tìm kiếm và đánh giá thông tin từ các nguồn trong và ngoài thư viện; khai thác thông tin và sử dụng có ích các thông tin đó và trên cơ sở đó, biến thông tin thành tri thức; hiểu biết các vấn đề pháp lý liên quan đến truy cập và sử dụng thông tin; kỹ năng tư duy, kỹ năng giải quyết vấn đề dựa trên thông tin.

*** Phương pháp giảng dạy và đánh giá của giảng viên**

Nếu GV sử dụng phương pháp truyền thụ kiến thức một chiều dẫn đến SV không có thói quen tự học, tự nghiên cứu và tư duy sáng tạo.

*** Công nghệ thông tin**

CNTT đã làm thay đổi cách thức khai thác, lưu trữ, phổ biến, sử dụng thông tin của người sử dụng nói chung và SV nói riêng.

*** Văn hóa nhà trường**

Phát triển KTTT cho SV phụ thuộc nhiều vào văn hóa nhà trường bởi lẽ phát triển KTTT cho sinh viên có liên quan mật thiết với sứ mạng, tầm nhìn, các quyết định, chương trình đào tạo, nguồn nhân lực của mỗi trường đại học.

*** Nhận thức của các bên liên quan**

Nhận thức của các bên liên quan ở đây bao gồm sự hiểu biết của lãnh đạo trường đại học, GV, CBTV và SV về nội dung KTTT và sự cần thiết của việc phát triển KTTT cho SV trong môi trường giáo dục đại học.

*** Sự phối hợp giữa cán bộ thư viện với giảng viên**

Để tích hợp KTTT vào chương trình đào tạo thành công cần sự phối hợp giữa CBTV và GV trong việc thiết kế chương trình giảng dạy, phương pháp kiểm tra đánh SV, cung cấp học liệu cho quá trình dạy học và nghiên cứu.

*** Động cơ của sinh viên**

Động cơ quan trọng vì nó quyết định mức độ tham gia và thái độ tích cực của SV đối với việc học KTTT.

1.2.4. Một số mô hình phát triển kiến thức thông tin trong trường đại học

Các nghiên cứu cho thấy hiện nay có nhiều mô hình phát triển KTTT khác nhau. Trong nghiên cứu này tác giả tạm chia thành ba loại mô hình phát triển KTTT.

** Mô hình truyền thống*

CBTV tự thiết kế nội dung và trực tiếp giảng dạy các khóa học của mình cho SV mà không có trung gian.

** Mô hình sử dụng mạng sinh viên*

CBTV chuyển giao KTTT cho SV, sau đó thông qua mạng bạn bè, SV có thể học hỏi lẫn nhau.

** Mô hình phối hợp giữa cán bộ thư viện với giảng viên*

KTTT được tích hợp trong các khóa học là một mô hình hiệu quả bởi vì KTTT được dạy như một phần của một khóa học hoặc như là một nhiệm vụ trong khóa học.

1.3. Kiến thức thông tin với sinh viên đại học ở Việt Nam

1.3.1. Đặc điểm giáo dục đại học ở Việt Nam

Chất lượng, hiệu quả giáo dục đại học ở Việt Nam còn thấp so với yêu cầu. Đào tạo còn nặng lý thuyết, nhẹ thực hành, thiếu gắn kết với nghiên cứu khoa học, sản xuất và nhu cầu của thị trường lao động; chưa chú trọng đúng mức việc giáo dục kỹ năng làm việc.

1.3.2. Đặc điểm sinh viên đại học ở Việt Nam

SV hiện nay đang diễn ra quá trình phân hoá, với hai nguyên nhân cơ bản: Tác động của cơ chế thị trường dẫn đến khác biệt giàu nghèo; sự mở rộng quy mô đào tạo khiến trình độ SV chênh lệch lớn ngay từ đầu vào.

1.3.3. Vai trò của kiến thức thông tin với sinh viên đại học ở Việt Nam

Giúp sinh viên làm chủ các nguồn thông tin

Rèn cho sinh viên khả năng học tập suốt đời

Giúp sinh viên nâng cao năng lực nghiên cứu khoa học

TIỂU KẾT

Khái niệm KTTT không chỉ bao gồm các kiến thức và kỹ năng thư viện mà còn đề cập đến tư duy phân tích, tư duy độc lập, khả năng phát hiện giải quyết vấn đề và sự hiểu biết về các vấn đề kinh tế, văn hóa, xã hội có liên quan đến truy cập, sử dụng và trao đổi thông tin.

KTTT không phải là vấn đề của riêng ngành thư viện mà là vấn đề giáo dục của thế kỷ XXI. Phát triển KTTT cho SV trong các trường đại học cần có sự phối hợp của nhiều bên bao gồm: GV, CBTV, lãnh đạo nhà trường, các phòng ban chức năng, và SV song thư viện giữ vai trò đầu mối trong hoạt động này.

Trang bị KTTT cho SV là trang bị năng lực tự học. Vì vậy, phát triển KTTT cho SV đại học ở Việt Nam cần được coi là nhiệm vụ quan trọng của mỗi trường đại học, mỗi GV và CBTV.

Có nhiều yếu tố ảnh hưởng tới hoạt động phát triển KTTT cho SV. Trong môi trường đại học việc áp dụng phương pháp giảng dạy tích cực, phương pháp kiểm tra đánh giá hướng tới kiểm tra năng lực thay vì học thuộc lòng sẽ có tác dụng kích thích nhu cầu, động cơ tìm kiếm, đánh giá và sử dụng thông tin của SV, từ đó hình thành cho SV nhu cầu trang bị KTTT.

Chương 2

THỰC TRẠNG CÔNG TÁC PHÁT TRIỂN KIẾN THỨC THÔNG TIN CHO SINH VIÊN ĐẠI HỌC Ở VIỆT NAM

2.1. Nhận thức về công tác phát triển kiến thức thông tin của các bên liên quan

2.1.1. Cán bộ lãnh đạo trường đại học

Lãnh đạo các trường đại học được khảo sát đều nhận thức được tầm quan trọng của KTTT đối với SV và cho rằng kỹ năng thẩm định, đánh giá thông tin và kỹ năng tổng hợp, phân tích thông tin là rất cần thiết.

2.1.2. Giảng viên

** Nhận thức của giảng viên về kiến thức thông tin*

Đa số GV đánh giá cao vai trò của KTTT. Kỹ năng thẩm định, đánh giá thông tin; kỹ năng phân tích, tổng hợp thông tin được nhiều GV cho là rất cần thiết.

** Nhu cầu nâng cao trình độ kiến thức thông tin của GV*

Đa số GV có nhu cầu được trang bị các kiến thức và kỹ năng liên quan đến thư viện.

2.1.3. Cán bộ thư viện

Các CBTV được khảo sát đều cho rằng KTTT là "rất cần thiết" và "tương đối cần thiết.

2.1.4. Sinh viên

** Nhận thức của sinh viên về kiến thức thông tin*

Các kỹ năng: phân tích và tổng hợp thông tin; xác định nguồn và tìm kiếm thông tin; thẩm định và đánh giá thông tin được nhiều SV

đánh giá là rất cần thiết. Các kỹ năng như: sử dụng thông tin hợp pháp và có đạo đức; nhận dạng nhu cầu tin; quản lý thông tin nhận được ít quan tâm hơn.

** Nhu cầu nâng cao trình độ kiến thức thông tin của sinh viên*

Nhìn chung nhu cầu trang bị KTTT của SV khá cao với tỷ lệ là 71.6%. Về nhu cầu hình thức giáo dục KTTT, phần lớn SV có nhu cầu học KTTT trực tuyến qua website của thư viện.

2.2. Công tác phát triển kiến thức thông tin cho sinh viên của thư viện

2.2.1. Đội ngũ cán bộ tham gia phát triển kiến thức thông tin

Độ tuổi trung bình của CBTV tham gia giảng dạy KTTT khá trẻ, chủ yếu ở độ tuổi từ 31 đến 40. Trình độ chuyên môn của CBTV chủ yếu là cử nhân. Tuyệt đại đa số CBTV được khảo sát đều tốt nghiệp ngành khoa học thư viện.

Trình độ tiếng Anh của CBTV đại học được nghiên cứu khá khác nhau. Kết quả khảo sát chung của cả 6 thư viện cho thấy không có CBTV nào có trình độ tiếng Anh xuất sắc hoặc giỏi. 43% số CBTV được hỏi đã tham gia phát triển KTTT từ 5 năm trở lên. Kiến thức và kỹ năng về thông tin của đa số CBTV được khảo sát còn khiêm tốn.

2.2.2. Quy trình thiết kế chương trình kiến thức thông tin

Để thiết kế chương trình KTTT đạt hiệu quả đòi hỏi CBTV cần thực hiện nhiều công đoạn khác nhau. Tuy nhiên, chỉ có 17% số CBTV được hỏi cho rằng thư viện mình có phối hợp với GV và khoa chuyên ngành để thiết kế chương trình KTTT cho SV. 9% CBTV có tham khảo một số chuẩn KTTT của nước ngoài.

2.2.3. Nội dung chương trình phát triển kiến thức thông tin

Nội dung chương trình KTTT của các thư viện chủ yếu hướng đến phát triển các kỹ năng thư viện truyền thống. Các kỹ năng nhận dạng nhu cầu tin, kỹ năng phát triển đề tài nghiên cứu, kiến thức về bản

quyền và sở hữu trí tuệ, tư vấn cho SV các nguồn thông tin về các đề tài cụ thể chưa được các thư viện quan tâm nhiều.

2.2.4. Các hình thức phát triển kiến thức thông tin

Kết quả nghiên cứu cho thấy 50% các thư viện được khảo sát chỉ có một khóa học giới thiệu về thư viện và cách tìm tài liệu của thư viện dành cho SV năm thứ nhất.

2.2.5. Triển khai và đánh giá chương trình phát triển kiến thức thông tin

Các thư viện đều sử dụng hình thức lớp học truyền thống với phương pháp thuyết trình là chủ yếu. Một số thư viện đại học vừa và lớn áp dụng các hình thức phát triển như thăm quan thư viện, tư vấn trực tiếp cho cá nhân, cung cấp bài giảng trực tuyến trong khi ba thư viện còn lại không triển khai các hình thức này. Các hình thức thảo luận nhóm và hình thức đặt vấn đề/ giải quyết vấn đề chỉ nhận được khoảng 30% số người trả lời áp dụng.

2.2.6. Thực trạng sinh viên tham gia các khóa học về kiến thức thông tin

62.8% SV được khảo sát đã tham gia các khóa học về KTTT. Trong ba khu vực, các trường đại học khu vực miền Nam có tỷ lệ SV học KTTT cao nhất, ngược lại các trường đại học khu vực miền Trung có tỷ lệ SV theo học KTTT thấp nhất trong số các trường đại học được khảo sát.

2.3. Công tác phát triển kiến thức thông tin cho sinh viên của giảng viên

2.3.1. Xác định mục tiêu khi thiết kế bài giảng

Kết quả khảo sát cho thấy, các GV khi thiết kế bài dạy quan tâm nhiều nhất tới đạt được mục tiêu nhận thức: Hiểu; nhớ; tái hiện kiến thức; rèn các kỹ năng tương ứng với nội dung đã học. Vấn đề phát

triển tư duy độc lập, sáng tạo và kỹ năng tự học chưa được nhiều GV quan tâm.

2.3.2. Thực trạng áp dụng phương pháp dạy học và đánh giá kết quả học tập

** Phương pháp giảng dạy*

Hầu hết GV đều sử dụng đa dạng các phương pháp dạy học trong quá trình giảng dạy. Các phương pháp mà GV sử dụng thường xuyên nhất vẫn là những phương pháp giảng dạy truyền thống. Các phương pháp giảng dạy tiên tiến kích thích SV tư duy; yêu cầu SV đọc tài liệu trước khi đến lớp như phương pháp thảo luận nhóm; nêu và giải quyết vấn đề; dạy học theo tình huống ít được GV sử dụng.

** Phương pháp kiểm tra đánh giá*

Các phương pháp KTĐG truyền thống như: vấn đáp, trắc nghiệm, và tự luận được GV sử dụng thường xuyên nhất. Các phương pháp KTĐG không truyền thống như: dự án, SV tự đánh giá và quan sát rất ít được sử dụng.

2.4. Nhận xét

2.4.1. Ưu điểm

Nhìn chung CBTV bước đầu nhận thức được tầm quan trọng của việc phát triển KTTT cho SV đại học. Độ tuổi trung bình của cán bộ thư viện tham gia đào tạo KTTT còn khá trẻ.

Một số thư viện lớn thiết kế được đa dạng các khóa học về KTTT và giảng dạy hầu hết các nội dung KTTT mà một số chuẩn KTTT của các nước phát triển đề cập đến.

Hầu hết các thư viện có hướng dẫn sinh viên phương pháp xây dựng chiến lược tìm tin, sử dụng OPAC để tìm tài liệu, kỹ năng tìm và đánh giá thông tin trên internet, kỹ năng tìm tin trong các CSDL chuyên

ngành, kỹ năng trích dẫn tài liệu. Bước đầu có sự phối hợp giữa CBTV và GV để phát triển KTTT cho SV.

2.4.2. Hạn chế

Đa số SV đại học ở Việt Nam chưa có thói quen khai thác và trình bày thông tin. Trình độ CBTV tham gia phát triển KTTT cho SV còn nhiều hạn chế. Đại đa số CBTV tốt nghiệp từ ngành thư viện, không có kiến thức chuyên môn về các chuyên ngành mà trường đại học mình đang đào tạo. Trình độ tin học, ngoại ngữ của CBTV ở mức trung bình.

Hiện nay việc thiết kế chương trình KTTT ở các thư viện đại học chủ yếu do các cán bộ thư viện đảm nhiệm. Hoạt động xây dựng nội dung và phát triển các khóa học KTTT chủ yếu dựa vào sự tự giác và năng lực của nhóm cán bộ được phân công.

Đa số GV được khảo sát trong nghiên cứu này khi thiết kế bài giảng quan tâm nhiều nhất tới đạt được mục tiêu nhận thức. Phát triển kỹ năng tư duy độc lập, sáng tạo và kỹ năng tự học chưa được nhiều GV xác định trong mục tiêu sẽ đạt được của dạy học. Phương pháp giảng dạy, kiểm tra đánh giá truyền thống vẫn được đa số GV sử dụng.

2.4.3. Nguyên nhân của hạn chế

Nhận thức của lãnh đạo trường đại học, GV, CBTV và SV về tầm quan trọng của KTTT đối với SV chưa đủ mạnh và hoạt động phát triển KTTT cho SV của các thư viện đại học chưa khẳng định được vị trí, vai trò quan trọng của mình trong việc góp phần nâng cao năng lực, trình độ SV trong các trường đại học.

Các cơ quan quản lý giáo dục đại học, ngành thư viện nói chung và lãnh đạo các trường đại học nói riêng chưa xây dựng chính sách phát triển KTTT cho SV và coi đây là một hoạt động thuần túy của thư viện.

CBTV và GV chưa có cơ sở để xây dựng mối quan hệ hợp tác trong việc phát triển KTTT cho SV nguyên nhân là các trường đại học ở Việt Nam chưa coi KTTT là một trong các chuẩn đầu ra đối với SV tốt nghiệp và chưa coi KTTT là một mục tiêu giáo dục quan trọng góp phần phát triển năng lực học tập suốt đời cho sinh viên.

TIỂU KẾT

Nhận thức của lãnh đạo trường đại học, GV, CBTV và SV về tầm quan trọng của KTTT và công tác phát triển KTTT cho SV là đúng đắn. Tuy nhiên, những nhận thức này chưa đủ mạnh để biến nhận thức thành thành kế hoạch, hành động cụ thể. Các trường đại học chưa có chính sách về phát triển KTTT cho SV.

Trình độ CBTV trực tiếp tham gia phát triển KTTT cho SV hạn chế. Chưa có sự phối hợp giữa thư viện với các phòng ban chức năng trong trường, giữa CBTV và GV về hoạt động phát triển KTTT cho SV.

Chương trình KTTT ở hầu hết các thư viện còn đơn giản, chủ yếu do CBTV thiết kế và giảng dạy. Phương thức chuyển tải nội dung các KTTT của các thư viện còn nặng về truyền thống.

Công tác phát triển KTTT cho SV của GV còn nhiều hạn chế, chưa hiệu quả. Đa số GV khi thiết kế bài dạy quan tâm nhiều nhất tới đạt được mục tiêu nhận thức. Các phương pháp mà GV sử dụng thường xuyên nhất vẫn là những phương pháp giảng dạy, kiểm tra, đánh giá truyền thống.

Đa số GV được hỏi có nhu cầu được trang bị các kiến thức và kỹ năng liên quan đến thư viện trong khi đó CBTV quan tâm hơn đến nhu cầu trang bị kiến thức và kỹ năng về phát triển tư duy, kỹ năng giải quyết vấn đề.

Chương 3
THỰC TRẠNG KIẾN THỨC THÔNG TIN CỦA SINH VIÊN ĐẠI HỌC Ở VIỆT NAM

3.1. Khả năng nhận dạng nhu cầu tin

3.1.1. Xác định phạm vi nhu cầu tin

Đa số SV xác định được phạm vi nghiên cứu. Tuy nhiên vẫn còn xấp xỉ 40% SV chưa xác định đúng phạm vi nghiên cứu.

3.1.2. Xác định tính chất thông tin

Hầu hết SV được hỏi xác định đúng một hoặc một số tiêu chí xác định tài liệu khoa học. Tuy nhiên, chỉ có 33.3% SV nhận diện được toàn bộ các tiêu chí về tài liệu khoa học mà nghiên cứu đưa ra.

3.2. Khả năng tìm kiếm thông tin

3.2.1. Xây dựng chiến lược tìm tin

** Xác định các khái niệm chính*

Hầu hết SV không xác định đúng được các khái niệm chính của đề tài nghiên cứu.

** Xác định ngôn ngữ tìm tin*

Trên 80% SV được hỏi chưa xác định đúng ngôn ngữ tìm tin. Điều này phản ánh sự hiểu biết của SV về ngôn ngữ tìm tin còn rất hạn chế, đặc biệt là cơ chế hoạt động của các công cụ tìm tin.

** Xây dựng biểu thức tìm tin*

Chỉ hơn một phần ba SV có khả năng xây dựng biểu thức tìm tin. Đa số SV chưa nắm được phương pháp sử dụng toán tử Boolean trong tìm kiếm thông tin.

** Lựa chọn loại tài liệu*

Phần lớn SV được hỏi trong nghiên cứu này chưa nắm rõ đặc điểm các loại tài liệu và chu trình xuất bản thông tin khoa học kỹ thuật.

3.2.2. Lựa chọn công cụ tìm tin

Chỉ có 41.4% SV lựa chọn đúng công cụ tìm tin mà cụ thể là xác định được tìm sách của thư viện qua OPAC.

3.2.3. Sử dụng công cụ tìm tin

Non nửa số SV được khảo sát (42%) biết sử dụng các công cụ tìm tin.

3.3. Khả năng đánh giá và khai thác thông tin

3.3.1. Đánh giá thông tin

Phần lớn SV xác định được các tiêu chí quan trọng để đánh giá thông tin. Tuy nhiên, tỷ lệ SV lựa chọn tiêu chí được trích dẫn trong tài liệu khác còn khá thấp.

3.3.2. Khai thác thông tin

Chỉ có 32.3% SV được hỏi có khả năng khai thác thông tin hiệu quả. Nghiên cứu này đã yêu cầu SV cho biết thói quen khi đọc tài liệu. Kết quả cho thấy có hơn hai phần ba (71.8%) số SV được khảo sát cho biết thường xuyên ghi lại các ý quan trọng trong khi đọc tài liệu.

3.4. Hiểu biết về pháp lý và đạo đức liên quan đến truy cập, sử dụng và chia sẻ thông tin

3.4.1. Trích dẫn và mô tả tài liệu tham khảo

** Trích dẫn tham khảo*

Chưa đầy 8% SV được hỏi xác định đúng các yếu tố cần trích dẫn. Kết quả nghiên cứu phần nào phản ánh thực trạng nhiều trường đại học ở Việt Nam hiện chưa coi trọng yêu cầu trích dẫn trong nghiên cứu đối với SV.

** Mô tả tài liệu tham khảo*

Kết quả nghiên cứu cho thấy chỉ có 33.6% SV được khảo sát nhận ra được các yếu tố mô tả tài liệu tham khảo và cách trình bày tài liệu tham khảo.

3.4.2. Hiểu biết về bản quyền và sở hữu trí tuệ

Già nửa số SV được hỏi nhận thức đúng về bản quyền và sở hữu trí tuệ.

3.5. Nhận xét

3.5.1. Ưu điểm

Nhìn chung công tác phát triển KTTT ở các trường đại học đã thu hút được ngày càng nhiều sinh viên tham gia. Mặt bằng KTTT của SV ở các trường đại học lớn, có uy tín về học thuật, các trường quan tâm đến phát triển KTTT cho SV tốt hơn so với các trường đại học mới thành lập, các trường đại học địa phương và các trường ít quan tâm phát triển KTTT cho SV. Tỉ lệ SV đã được thư viện đại học giáo dục về nội dung về KTTT có trình độ KTTT cao hơn so với SV chưa được giáo dục về KTTT.

Khả năng xây dựng biểu thức tìm tin của SV học các ngành khoa học tự nhiên và ứng dụng tốt hơn nhiều so với SV học các ngành khoa học xã hội và nhân văn. Sinh viên ngày càng có xu hướng quan tâm đến các vấn đề bản quyền, sở hữu trí tuệ trong quá trình truy cập và sử dụng thông tin.

3.5.2. Hạn chế

Trình độ KTTT của SV đại học ở Việt Nam còn hạn chế và không đồng đều ở các nhóm kỹ năng khác nhau. Không có sự khác nhau nhiều về trình độ KTTT của SV đã được tham gia các khóa học KTTT và SV chưa được tham gia. Điều này phản ánh chất lượng và

hiệu quả công tác phát triển KTTT cho SV của các trường đại học chưa cao.

Kỹ năng phân tích nhu cầu thông tin của SV đại học còn yếu. Đa số SV không có thói quen ghi lại các ý quan trọng trong khi đọc tài liệu. Sự hiểu biết của SV về đạo đức liên quan đến truy cập và sử dụng thông tin còn rất hạn chế.

3.5.3. Nguyên nhân của những hạn chế

Thiếu sự quan tâm của các cấp lãnh đạo, đặc biệt là lãnh đạo trong ngành giáo dục và lãnh đạo các trường đại học; công tác phát triển KTTT cho SV của các thư viện đại học chủ yếu là do tự phát; ngành giáo dục vẫn chưa ban hành chuẩn KTTT vì vậy mỗi trường đại học phát triển KTTT cho SV theo kinh nghiệm và cách hiểu của mình; các trường đại học chưa có chính sách về phát triển KTTT cho SV và coi KTTT là một trong các chuẩn đầu ra bắt buộc đối với SV tốt nghiệp đại học.

Kỹ năng phân tích nhu cầu tin của SV còn yếu do các thư viện đại học và GV đại học chưa quan tâm phát triển kỹ năng này cho SV. Đặc biệt, GV và CBTV chưa có sự phối hợp trong việc phát triển KTTT cho SV. GV ít ra các bài tập dưới dạng bài luận để phát triển tư duy độc lập, kỹ năng phân tích cho SV. Các bài kiểm tra đánh giá chủ yếu dừng lại ở mức tái hiện kiến thức.

TIỂU KẾT

Về cơ bản trình độ KTTT của SV đại học ở Việt Nam còn hạn chế. Đặc biệt, sinh viên Việt Nam yếu ở các kỹ năng tư duy. Nguyên nhân của thực trạng trên không chỉ bắt nguồn từ trình độ hạn chế của đội ngũ CBTV tham gia phát triển KTTT cho SV, chương

trình giáo dục KTTT của thư viện đại học mà chủ yếu là phương pháp giảng dạy, kiểm tra đánh giá của GV.

Phát triển KTTT cho SV chỉ có thể thành công nếu có sự phối hợp tốt giữa CBTV và GV bởi lẽ phát triển KTTT cho SV chính là rèn cho SV kỹ năng về thư viện và kỹ năng tư duy. CBTV sẽ là người giáo dục cho SV kiến thức và kỹ năng về nhận dạng nhu cầu tin, tìm kiếm thông tin, hiểu biết về đạo đức và pháp lý liên quan đến truy cập và sử dụng thông tin trong khi đó GV là người giáo dục cho SV khả năng làm việc độc lập, kỹ năng giải quyết vấn đề, rèn tư duy phê phán.

Chương 4
ĐỀ XUẤT MÔ HÌNH VÀ CÁC GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN KIẾN THỨC THÔNG TIN CHO SINH VIÊN ĐẠI HỌC Ở VIỆT NAM

4.1. Xây dựng mô hình phát triển kiến thức thông tin cho sinh viên đại học

4.1.1. Mục tiêu

Mô hình này là cơ sở để các trường đại học ở Việt Nam tham khảo trong quá trình hoạch định chiến lược và triển khai công tác phát triển KTTT cho SV với các bước cụ thể.

4.1.2. Cơ cấu mô hình

Trên cơ sở nghiên cứu lý luận, đặc điểm của phát triển KTTT cho SV đại học trên thế giới và ở Việt Nam; kế thừa mô hình tích hợp KTTT vào chương trình đào tạo, các chiến lược và các bước chương trình phát triển KTTT cho SV của các nhà nghiên cứu đi trước; dựa trên kết quả nghiên cứu, mô hình phát triển KTTT cho SV ở Việt Nam được đề xuất như sau:

Sơ đồ 4. 1 Mô hình phát triển kiến thức thông tin cho SV đại học ở Việt Nam

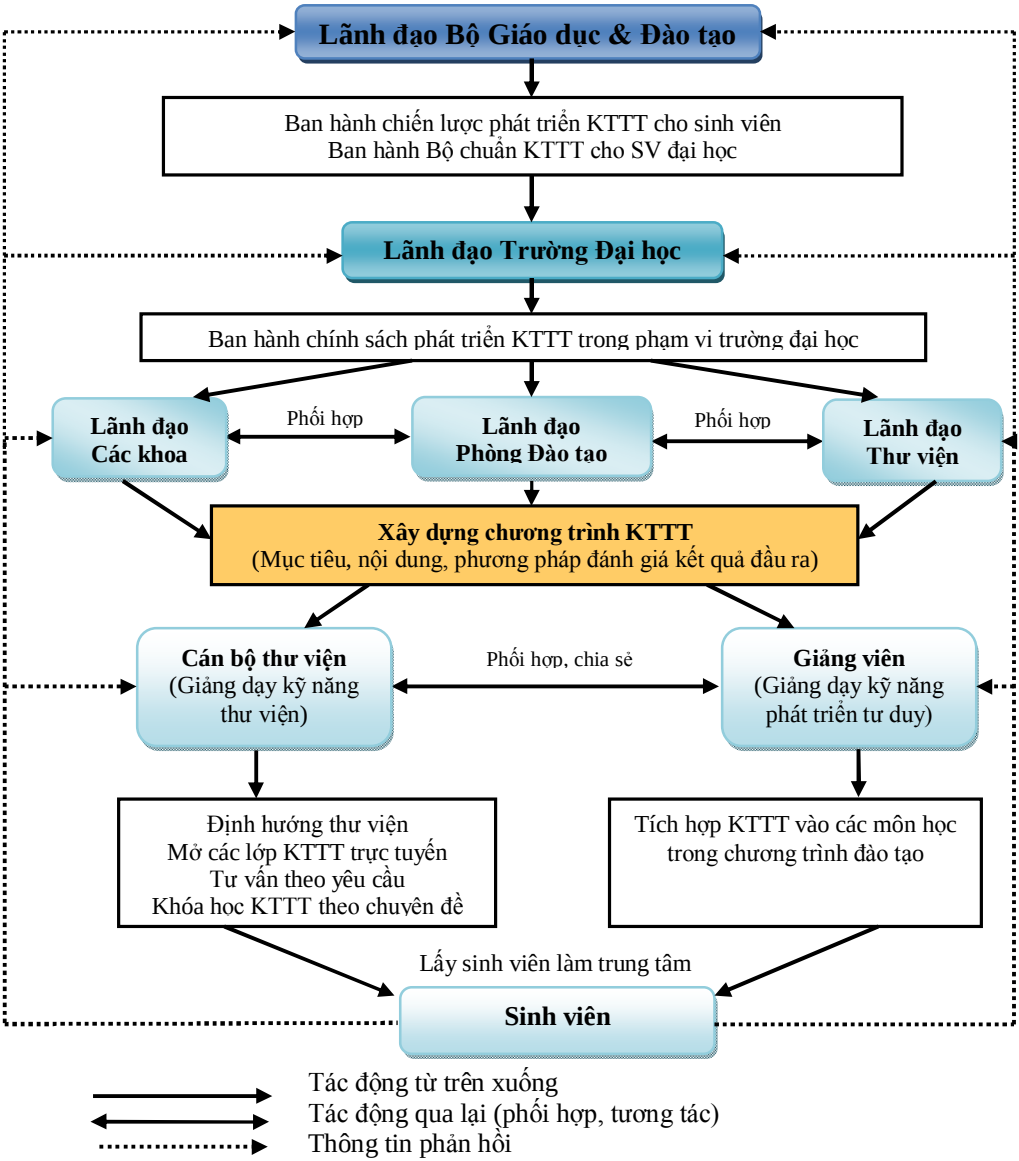

Mô hình được đề xuất bao gồm các thành tố: Lãnh đạo Bộ Giáo dục và Đào tạo, lãnh đạo các trường đại học, lãnh đạo phòng đào tạo, lãnh đạo các khoa chuyên ngành, lãnh đạo các thư viện đại học, giảng viên, cán bộ thư viện và sinh viên.

4.1.3. Điều kiện triển khai mô hình

Điều kiện tiên quyết

Sự chỉ đạo của Chính phủ, BGD&ĐT và sự quan tâm của các cơ quan tổ chức trong nước và quốc tế.

Các điều kiện cần

Chuẩn KTTT dành cho giáo dục đại học, kế hoạch phát triển KTTT của các trường đại học, phương pháp dạy và học tích cực.

Các điều kiện đủ

Trình độ của CBTV và GV, năng lực lãnh đạo của cán bộ quản lý thư viện, sản phẩm và dịch vụ thông tin thư viện, cơ sở vật chất trang thiết bị, và sự tham gia của cộng đồng SV.

4.2. Các giải pháp hiện thực hóa mô hình

4.2.1. Nâng cao nhận thức về phát triển kiến thức thông tin

Giải pháp này nhằm nâng cao nhận thức của cán bộ quản lý, GV, CBTV, sinh viên về tầm quan trọng của KTTT và phát triển KTTT cho SV đại học; về sự cần thiết phải đổi mới phương pháp giảng dạy theo hướng lấy SV làm "trung tâm"; và đổi mới phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập theo hướng kiểm tra năng lực thay vì tái hiện kiến thức.

4.2.2. Ban hành chính sách, cơ chế về phát triển kiến thức thông tin cho sinh viên đại học

Chính sách đầu tư cho phát triển KTTT cho sinh viên.

Chính sách phát triển nguồn nhân lực

Ban hành cơ chế thuận lợi tạo động lực thúc đẩy công tác phát triển kiến thức thông tin cho sinh viên

Các trường đại học cần xây dựng quy định về phát triển kiến thức thông tin cho sinh viên

4.2.3. Đề xuất chuẩn kiến thức thông tin cho sinh viên đại học

Tiểu chuẩn 1: Khả năng nhận dạng nhu cầu tin

Tiêu chuẩn 2: Khả năng tìm kiếm thông tin

Tiêu chuẩn 3: Khả năng đánh giá và khai thác thông tin

Tiêu chuẩn 4: Hiểu biết về pháp lý và đạo đức liên quan đến truy cập, sử dụng và chia sẻ thông tin

4.2.4. Tăng cường trang bị kiến thức và kỹ năng cần thiết liên quan đến phát triển kiến thức thông tin cho cán bộ thư viện và giảng viên

Giúp CBTV, GV nâng cao trình độ KTTT, từ đó tham gia hiệu quả vào việc phát triển KTTT cho SV. Giải pháp này được đề xuất dựa trên thực trạng trình độ và nhu cầu KTTT của CBTV và GV.

4.2.5. Đảm bảo kiến thức thông tin là một trong các tiêu chí đánh giá chất lượng đầu ra đối với sinh viên

Tạo cơ sở để các khoa chuyên ngành, giảng viên thiết kế mục tiêu chương trình đào tạo, mục tiêu mỗi môn học gắn với việc tích hợp KTTT để nâng cao trình độ KTTT cho SV.

4.2.6. Xây dựng chương trình kiến thức thông tin cho sinh viên bao gồm cả kiến thức, kỹ năng thư viện và kỹ năng phát triển tư duy

Dựa trên quy định về phát triển KTTT, phòng đào tạo phối hợp với lãnh đạo các khoa và lãnh đạo thư viện xây dựng chương trình KTTT tổng thể cho SV. Trước khi xây dựng chương trình tổng thể, Ban

xây dựng chương trình cần khảo sát đánh giá thực trạng và nhu cầu KTTT của SV.

4.2.7. Đảm bảo sự phối hợp giữa cán bộ thư viện và giảng viên trong việc phát triển kiến thức thông tin cho sinh viên

Tạo cơ sở cho sự phối hợp giữa CBTV và GV trong việc khai thác, sử dụng hiệu quả các nguồn tài nguyên của thư viện phục vụ cho việc học tập và nghiên cứu của SV.

4.2.8. Đảm bảo mối quan hệ biện chứng giữa dạy học, kiểm tra đánh giá và phát triển kiến thức thông tin cho sinh viên

Thực hiện giải pháp này nhằm khuyến khích sinh viên có thái độ tích cực hơn với KTTT và hoạt động phát triển KTTT; giúp sinh viên nhận thức rõ vai trò của KTTT đối với hoạt động học tập và nghiên cứu của mình; Giải pháp này được thực hiện sẽ thúc đẩy động cơ, nhu cầu trang bị KTTT của SV đại học.

TIỂU KẾT

Mô hình phát triển KTTT cho SV đại học ở Việt Nam trong nghiên cứu này kế thừa ý tưởng tích hợp KTTT vào chương trình giảng dạy trong đó có sự phối hợp giữa giảng viên và CBTV của một số học giả trên thế giới. Tuy nhiên, do đặc thù của giáo dục đại học và trình độ CBTV ở Việt Nam, mô hình này có nhiều đổi mới như: đề xuất vai trò lãnh đạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo đối với việc ban hành chính sách phát triển KTTT cho SV; vai trò của phòng đào tạo trong mối quan hệ với khoa chuyên ngành và lãnh đạo thư viện để xây dựng chương trình KTTT cho SV ở mỗi trường đại học; phân chia nội dung phát triển KTTT thành hai nhóm, nhóm kiến thức về thư viện do CBTV giảng dạy trên cơ sở phát triển các lớp học chuyên đề không nằm trong chương trình đào tạo, nhóm kiến thức và kỹ năng phân tích và đánh giá thông

tin, sử dụng thông tin, phát triển tư duy độc lập, kỹ năng giải quyết vấn đề do GV đảm nhiệm và được lồng ghép vào các môn học đại cương, môn học chuyên ngành trong chương trình đào tạo.

Điều quan trọng nhất là để phát triển KTTT cho SV có hiệu quả cần sự ủng hộ mạnh mẽ của Bộ Giáo dục và Đào tạo, lãnh đạo trường đại học, được thể hiện thông qua việc ban hành các chính sách, chiến lược, kế hoạch phát triển KTTT cho SV.

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1. Kết luận

Phát triển KTTT không chỉ trang bị cho SV kiến thức và kỹ năng về thư viện mà còn rèn cho SV khả năng làm việc độc lập, tư duy phân tích, kỹ năng giải quyết vấn đề dựa trên thông tin, và mục tiêu cuối cùng là khả năng học tập suốt đời.

Phát triển KTTT cho SV không phải là nhiệm vụ của riêng thư viện mà là vấn đề giáo dục của thế kỷ XXI. Phát triển KTTT cho SV có hiệu quả phải được đặt trong mối quan hệ với đổi mới phương pháp giảng dạy, kiểm tra đánh giá theo hướng lấy "người học làm trung tâm".

Nhận thức của lãnh đạo nhà trường về vai trò của KTTT chưa đủ mức để trở thành hành động. Các trường đại học chưa có chính sách phát triển KTTT cho SV, chưa coi KTTT là chuẩn để đánh giá chất lượng đầu ra của SV.

Hoạt động phát triển KTTT cho SV của thư viện và GV chưa đạt hiệu quả cao. Thư viện vẫn chủ yếu là triển khai các khóa học truyền thống. GV chủ yếu vẫn áp dụng các phương pháp giảng dạy, kiểm tra đánh giá truyền thống, thiên về kiểm tra tái hiện tri thức, không chú trọng đánh giá năng lực.

Trình độ KTTT của CBTV và GV còn hạn chế. CBTV thiếu kiến thức và kỹ năng sư phạm, kỹ năng giao tiếp, khả năng ngoại ngữ và tin học trong khi đó GV thiếu kỹ năng tra cứu, kiến thức về các nguồn thông tin.

Trình độ KTTT của SV đại học ở Việt Nam mới đạt được ở mức độ trung bình, khó có thể đáp ứng được yêu cầu của hoạt động học tập cũng như hoạt động nghề nghiệp sau này.

Mô hình phát triển KTTT cho SV đại học ở Việt Nam và các giải pháp hiện thực hóa mô hình được đề xuất trong nghiên cứu này có tính khả thi rất cao và có ý nghĩa lý luận.

Mô hình và các giải pháp phát triển kiến thức thông tin cho SV đại học ở Việt Nam được đề xuất trong nghiên cứu này chỉ có thể phát huy hiệu quả cao nếu Đảng và Nhà nước đẩy mạnh hơn nữa chính sách hội nhập quốc tế trong đó có giáo dục đại học, phát triển kinh tế thị trường sâu rộng, tạo môi trường cạnh tranh lành mạnh. Các chính sách này được thực hiện tốt sẽ tạo môi trường để SV nảy sinh, duy trì và phát triển nhu cầu nâng cao năng lực tìm tin, xử lý thông tin, đánh giá thông tin, sử dụng và trao đổi thông tin.

2. Kiến nghị

Với Chính phủ và các Bộ, ngành Trung ương

Sớm nghiên cứu ban hành chính sách phát triển KTTT cho SV đại học.

Với lãnh đạo các trường đại học

Quy định KTTT là một trong các chuẩn đầu ra đối với SV tốt nghiệp đại học. Chỉ đạo thư viện đại học, khoa chuyên ngành và các phòng ban liên quan tích hợp KTTT vào chương trình đào tạo.

DANH MỤC CÔNG TRÌNH ĐÃ CÔNG BỐ

1. Trương Đại Lượng (2010), "Vai trò của thư viện trong việc phổ biến kiến thức thông tin", *Tạp chí Thư viện Việt Nam*, 20(4), tr. 17-25.
2. Trương Đại Lượng (2011), "Nâng cao hiệu quả công tác phát triển kiến thức thông tin cho sinh viên đại học ở Việt Nam", Tạp chí Nghiên cứu Văn hóa, (6), tr. 88-92.
3. Trương Đại Lượng (2013), *Kinh nghiệm phát triển kiến thức thông tin cho sinh viên đại học ở một số nước trên thế giới*, Đề tài nghiên cứu khoa học cấp trường, Trường Đại học Văn hóa Hà Nội, Hà Nội.
4. Trương Đại Lượng (2013), "Đội ngũ cán bộ thư viện tham gia đào tạo kiến thức thông tin tại một số thư viện đại học ở Việt Nam: Thực trạng và giải pháp", *Tạp chí Thư viện Việt Nam*, 44(6), tr. 15-20.
5. Trương Đại Lượng (2014), "Thực trạng đào tạo kiến thức thông tin tại một số thư viện đại học ở Việt Nam", *Tạp chí Thông tin và Tư liệu* (1), tr 24 - 35.
6. Trương Đại Lượng (2014), "Một số nhân tố ảnh hưởng tới việc phát triển kiến thức thông tin cho sinh viên", *Tạp chí Thư viện Việt Nam*, 46(2), tr. 18-23.
7. Trương Đại Lượng (2014), "Trình độ kiến thức thông tin của sinh viên đại học ở Việt Nam", *Tạp chí Thông tin và Tư liệu* (5), tr 8 - 16.